

NGUYÊN NHÂN SỰ KHỦNG HOẢNG, SỰ ĐỔ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU

Bắt đầu từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đi vào thời kì khủng hoảng. Từ tháng 4/1989 đến tháng 9/1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô lần lượt sụp đổ, tạo nên “con chấn động” chính trị lớn nhất trong lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Vấn đề đặt ra là vì sao chế độ xã hội chủ nghĩa lại bị thất bại ở Liên Xô và Đông Âu? Cho đến nay, trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về hiện tượng lịch sử này, đưa ra nhiều nguyên nhân cả sâu xa và trực tiếp, cả bên trong và bên ngoài để cắt nghĩa, lí giải về sự khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu...

Với chúng tôi, khi nghiên cứu đề tài “Sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu”, chúng tôi xin đưa ra những nguyên nhân về sự khủng hoảng và sụp đổ ấy như sau:

1. Nguyên nhân khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu

Bước vào thập niên 70 của thế kỉ XX, tình hình thế giới có nhiều biến động, báo hiệu cuộc khủng hoảng chung mang tính toàn cầu (không trừ một quốc gia nào).

Mở đầu là cuộc khủng hoảng nghiêm trọng về năng lượng dầu mỏ năm 1973, chứng tỏ sự khan hiếm và thiếu hụt của nguồn năng lượng dầu mỏ, dẫn tới giá cả tăng cao, kéo theo là hàng loạt các cuộc khủng hoảng khác về kinh tế, tài chính và chính trị, đặt ra cho toàn nhân loại những vấn đề bức thiết phải giải quyết (sự bùng nổ dân số, hiểm họa môi trường, tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt; sự giao lưu, hợp tác quốc tế ngày càng phát triển theo xu thế quốc tế hóa...) để thích nghi về kinh tế, chính trị và xã hội.

Những biến động này đòi hỏi các quốc gia phải tiến hành những cải cách điều chỉnh về cơ cấu kinh tế, chính trị - xã hội cho phù hợp với tình hình mới.

Đây là sự thách thức và cũng là một cơ hội để vươn lên của mỗi quốc gia, nhưng những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Liên Xô và Đông Âu lại không nhận thức đầy đủ những thách thức đó, chủ quan cho rằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng chung toàn thế giới nên chậm thích ứng, chậm sửa đổi và

đã bỏ lỡ cơ hội này. Trước hết, là do quan niệm giản đơn, phiến diện quy luật về mối quan hệ giữa sản xuất và lực lượng sản xuất; cho rằng, có thể dùng ý chí cách mạng để xây dựng nhanh quan hệ sản xuất tiên tiến trên cái nền lực lượng sản xuất còn nhiều yếu kém và lạc hậu, và cho rằng, quan hệ sản xuất tiên tiến tự nó mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. Liên Xô bị khủng hoảng từ lâu nhưng mãi đến năm 1985 mới bắt đầu cải tổ. Các nhà lãnh đạo Đông Âu thì cho rằng chủ nghĩa xã hội là ưu việt và bản thân họ chẳng có gì sai mà sửa chữa. Song khi thay đổi lại xa rời nguyên lí Mác – Lênin.

Sau cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới năm 1973, các nước tư bản chủ nghĩa đã ngồi họp lại với nhau và nhận thấy một điều rằng: sự phát triển của họ không còn phù hợp, cần phải tự điều chỉnh và thích nghi hơn với tình hình mới. Vì thế, họ đã nhanh chóng tiến hành nhiều cải cách, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, chính trị, xã hội, hình thức quản lí, đi sâu vào khoa học – kĩ thuật, đổi mới công nghệ, nên đã vượt qua được khủng hoảng và tiếp tục đi lên.

Thế giới đang chứng kiến những đổi thay kì diệu do cuộc cách mạng khoa học – công nghệ mang lại. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật thế giới hay còn gọi là cách mạng công nghệ bước sang giai đoạn mới, phát triển theo chiều sâu, đã đạt được những thành tựu kì diệu, có vị trí và ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại: Một là,

làm thay đổi các nhân tố sản xuất, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của sản xuất và tăng năng suất lao động, mở rộng lĩnh vực hoạt động của con người, sáng tạo công cụ và kỹ thuật sản xuất mới, cải tiến việc sản xuất và quản lý lao động, nâng cao không ngừng mức sống và chất lượng cuộc sống của con người. Từ đó dẫn đến những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, những đòi hỏi mới về giáo dục và đào tạo nghề nghiệp; hai là, loài người chuyển sang một nền văn minh mới với nhiều tên gọi; ba là, kinh tế thế giới được quốc tế hóa cao độ, xu thế toàn cầu hóa – khu vực hóa đang từng bước phát triển – thế giới như thu nhỏ lại, mọi sự liên lạc, gặp gỡ có thể diễn ra hết sức nhanh chóng; bốn là, những mặt trái của khoa học – kỹ thuật mà con người chưa thể khắc phục được như tình trạng ô nhiễm môi trường trên Trái đất cũng như trong vũ trụ, những tai nạn lao động và giao thông, các loại dịch bệnh mới... và nhất là việc chế tạo những loại vũ khí hiện đại có sức công phá và hủy diệt nhiều lần sự sống trên hành tinh.

Trong tình hình mới, mô hình và cơ chế kinh tế cũ của chủ nghĩa xã hội vốn đã tồn tại nhiều khuyết tật (phát triển kinh tế theo chiều rộng với hiệu quả thấp và thiếu sức sống, phủ nhận quy luật khách quan về kinh tế), đã cản trở sự phát triển mọi mặt của xã hội. Sau khi V.I.Lênin qua đời ở Liên Xô, chính sách kinh tế mới không được tiếp tục thực hiện mà chuyển sang kế hoạch hóa tập trung cao độ. Thời gian đầu, kế hoạch hóa tập trung đã phát huy tác dụng mạnh mẽ, song đã biến dạng thành kế

hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp. Sau chiến tranh thế giới lần 2, Liên Xô vẫn tiếp tục duy trì mô hình này. Trong mô hình này đã tuyệt đối hóa, từ bỏ hay gần như từ bỏ một cách chủ quan duy ý chí nền kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường, thực hiện bao cấp tràn lan, triệt tiêu tính chủ động, sáng tạo của người lao động.

Bên cạnh đó, một nguyên nhân khác là các nhà lãnh đạo của Liên Xô và Đông Âu đã đánh giá quá cao chủ nghĩa xã hội hiện thực và đánh giá quá thấp chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc; chủ quan nóng vội, đốt cháy giai đoạn trong việc hoạch định các bước đi của tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (như quan điểm của Liên Xô về “chủ nghĩa xã hội đã hoàn toàn thắng lợi”, “xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa”, “chủ nghĩa xã hội phát triển”...), không thấy hết tính chất lâu dài, quanh co, phức tạp của thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Những sai lầm chủ quan nghiêm trọng kéo dài trên cản trở sự cải tổ, cải cách, đổi mới đúng đắn là nguyên nhân sâu xa làm chế độ xã hội chủ nghĩa suy yếu, rơi vào khủng hoảng. Đó không phải những sai lầm khuyết tật do bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, mà do quan niệm giáo điều về chủ nghĩa xã hội.

Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, xây dựng năng lực cầm quyền của một chính đảng cách mạng sau khi giành được chính quyền chưa thực hiện đầy đủ, khiến Đảng không phát huy được vai trò của

người lãnh đạo, người tổ chức nhân dân; vừa không phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội..., dẫn đến tình trạng quan liêu, tham nhũng, xa rời quần chúng, xa rời thực tiễn.

Sự bất mãn trong nhân dân ngày càng tăng trước những hiện tượng thiếu dân chủ, chưa công bằng, vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa, tệ quan liêu, độc đoán trong bộ máy Nhà nước làm cho đất nước lâm vào tình trạng trì trệ rồi khủng hoảng toàn diện.

Trong những năm 1989 – 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu, chế độ mới được dựng lên với những nét chung nổi bật là:

- Tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội.
- Thực hiện đa nguyên chính trị và chế độ đa đảng.
- Xây dựng Nhà nước pháp quyền đại nghị và nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
- Các chính đảng vô sản đều đổi tên đảng và chia rẽ thành nhiều phe phái.
- Tên nước, Quốc kì, Quốc huy và ngày Quốc khánh thay đổi, theo hướng chung gọi là các nước cộng hòa.

2. Nguyên nhân sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là do nhiều nguyên nhân.

- Nguyên nhân sâu xa nằm trong mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội theo kiểu cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp thay cho cơ chế thị trường, kế hoạch hóa cao độ. Mô hình đó đã có những phù hợp nhất định trong thời kì đặc biệt trước đây, nhưng không còn phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa, không sáng tạo và không năng động, ngày càng bộc lộ sự thiếu tôn trọng các quy luật phát triển khách quan về kinh tế - xã hội, chủ quan, duy ý chí, làm nảy sinh tình trạng thụ động xã hội, thiếu dân chủ và công bằng, vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Xét về mặt kinh tế, khiếm khuyết và hạn chế của mô hình cũ là đã không chú trọng đầy đủ tới đặc điểm kinh tế hàng hóa và quy luật giá trị, tới cơ cấu đa dạng của sản phẩm hàng hóa có chất lượng và giá trị cao để cạnh tranh. Do quan điểm giản đơn về tính thuần nhất của sở hữu xã hội chủ nghĩa nên các hình thức sở hữu ngoài quốc doanh và tập thể không được chú trọng, tiềm năng và năng lực kinh tế cá thể, tư nhân không được khai thác. Chủ nghĩa tư bản nhà nước như một hình thức phát triển kinh tế của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Lênin nêu ra trong Chính sách kinh tế mới (NEP) đã không được vận dụng. Kinh tế hiện vật và

kinh tế chỉ huy đã chi phối mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến sự cứng nhắc trong quản lí, trong cơ chế và chính sách. Năng suất, chất lượng, hiệu quả tuy vẫn được thường xuyên nhắc tới nhưng lại không dựa trên cơ sở lợi ích trực tiếp của người lao động nên không khuyến khích được sự nhiệt tình, chủ động, sáng tạo của người lao động. Tài sản, nguyên vật liệu và các nguồn lực, kể cả con người bị lãng phí rất lớn. Kỹ thuật công nghệ chậm đổi mới, bị lạc hậu.

Xét về mặt chính trị, hạn chế của mô hình này biểu hiện ở chỗ hệ thống tổ chức và bộ máy công kênh, nhiều tầng nấc, dễ dẫn tới tình trạng quan liêu hóa, xa rời thực tiễn, xa dân, kém hiệu quả, không phân biệt rõ ràng, chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động giữa Đảng và Nhà nước cũng như các tổ chức khác trong hệ thống tổ chức chính trị, dẫn tới sự chòng chẹo đâm chân lên nhau. Nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm. Quyền làm chủ của người lao động, sự tham gia của quần chúng vào hoạt động quản lí Nhà nước và đời sống chính trị - xã hội nói chung còn bị hạn chế và ít tác dụng do tính chất dân chủ hình thức, quan liêu, tham nhũng gây nên.

Xét về mặt văn hóa – xã hội và đời sống tinh thần, những khiếm khuyết của mô hình cũ biểu hiện ở sự vi phạm quyền tự do dân chủ của công dân, sự thiếu nghiêm minh trong việc thực thi pháp luật, thiếu dân chủ và công bằng xã hội. Tính hình thức và bệnh giáo điều đã làm cho công tác giáo dục hệ tư tưởng và ý thức xã hội xa rời thực tế cuộc sống. Lí

luận tách rời thực tiễn.

Các lĩnh vực văn hóa tinh thần rơi vào sự đơn điệu, nghèo nàn. Sự giao lưu văn hóa quốc tế không được khuyến khích.

- Những thiếu sót, khuyết tật lâu ngày chậm được khắc phục, sửa chữa càng làm cho các nước xã hội chủ nghĩa xa rời những tiên bộ, văn minh của thế giới, nhất là sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại, đưa tới tình trạng trượt dài từ trì trệ đến khủng hoảng nặng nề về kinh tế - xã hội. Sự thực, không phải các nhà lãnh đạo nhiều nước chủ nghĩa xã hội trước đây không nhận thấy những trì trệ đó, nhưng mọi cố gắng cải cách đều không thu được kết quả trong khuôn khổ cơ chế mô hình cũ.

- Sau này khi tiến hành cải tổ, cải cách, những người lãnh đạo ở Liên Xô và Đông Âu lại liên tiếp phạm thêm nhiều sai lầm nghiêm trọng về bước đi, nội dung, phương pháp, trong đó điều chủ yếu là buông lỏng chuyên chính vô sản, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xa rời chủ nghĩa Mác – Lênin, hiện thực dân chủ hóa, công khai hóa cao độ, mơ hồ về chính trị, giai cấp; bị các thế lực phản động, đế quốc lợi dụng tiến công chủ nghĩa xã hội. Cải tổ là tất yếu, khách quan xuất phát từ bản chất của chủ nghĩa xã hội, là nhu cầu chín muồi của các nhân tố chủ quan, khách quan. Vấn đề là phải cải tổ như thế nào. Cuộc cải tổ của

Goócbachóp đợc các nước phương Tây ngàn lần cổ vũ, hậu thuẫn... Cải tổ kiểu như thế mà chế độ xã hội chủ nghĩa không sụp đổ mới là điều đáng ngạc nhiên (Nguyễn Đức Bình – Đôi điều suy nghĩ về vận mệnh chủ nghĩa xã hội. Tạp chí Cộng sản, số 13, 7/2003, tr.10).

Như vậy, trong cải tổ, Đảng Cộng sản Liên Xô và các nước Đông Âu đã mắc sai lầm rất nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đó là đường lối hữu khuynh, cơ hội và xét lại, thể hiện trước hết ở những người lãnh đạo cao nhất. Những tuyên bố ban đầu: “cải tổ để có nhiều dân chủ hơn, nhiều chủ nghĩa xã hội hơn”, “chúng ta sẽ đi tới chủ nghĩa xã hội tốt đẹp hơn chứ không đi ra ngoài nó”, “chúng ta tìm trong khuôn khổ của chủ nghĩa xã hội chứ không phải ở ngoài giới hạn của nó những câu trả lời cho các vấn đề do cuộc sống đặt ra”..., rốt cuộc chỉ là những tuyên bố suông ngụy trang cho ý đồ phản bội.

Có thể thấy sai lầm của cải tổ biểu hiện chủ yếu ở những điểm sau:

Thứ nhất, sự dao động về tư tưởng, lập trường chính trị dẫn tới mất phương hướng chính trị và từ bỏ nguyên tắc ở những thời điểm bước ngoặt, chấp nhận đa nguyên hệ tư tưởng và đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, phủ nhận tập trung dân chủ là nguyên tắc cốt tử của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, làm cho Đảng không còn là một tổ chức chính trị cầm quyền mà trở thành một câu lạc bộ bàn suông. Nhà

nước không còn quyền lực điều hành và không kiểm soát nổi tình hình đất nước.

Những người lãnh đạo cải tổ lùi dần từng bước, từng bước, thậm chí ngày càng công khai tuyên bố từ bỏ những mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà họ từng hứa hẹn, từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Thứ hai, không giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị. Khi cải cách kinh tế tiến triển thì không kịp thời tiến hành cải cách chính trị. Đến khi cải cách kinh tế gặp khó khăn thì lại chuyển trọng tâm sang cải cách chính trị.

Thứ ba, phiêu lưu mạo hiểm trong chính sách, bước đi và biện pháp cải tổ. Đó là tăng tốc kinh tế - kĩ thuật thời kì đầu, cấm bia rượu... là những tính toán chủ quan duy ý chí gây rối loạn kinh tế, mất ổn định xã hội. Cải tổ chính trị không dựa trên thực trạng kinh tế, tiến hành “dân chủ công khai” một cách mơ hồ, mở đường cho các thế lực phản động tấn công vào Đảng, vào chủ nghĩa xã hội, thao túng xã hội, kích động, mỉa dân, lừa bịp quần chúng.